

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 05-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Kiều D1, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 19, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Cao Quốc D2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 18, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thanh L, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 19, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đặng Kiều D1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Quốc D2 tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian tổ chức đám cưới lâu quá nên không nhớ rõ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong lối sống và trong sinh hoạt hàng ngày. Anh D2 không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình.

Anh D2 chơi bời và có các mối quan hệ bạn bè trai gái không rõ ràng. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh nên thường xảy ra cự cãi, giận dỗi, anh D2 còn đánh đuổi mẹ con chị đi. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài và gay gắt không thể hàn gắn được nên vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Quốc D2.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Cao Hiền Lương sinh ngày 10/9/2013 và Cao Quốc Đình sinh ngày 07/7/2015. Hiện cháu Đình đang sống chung với chị, cháu Hiền Lương đang sống chung với anh D2. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đình, đồng ý để anh D2 tiếp tục nuôi cháu Lương, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Là chi phí cải tạo phần đất rừng để nuôi tôm khoảng hơn 20.000.000 đồng xuất phát từ số tiền và vàng đã mượn của cha chị là ông Đặng Thanh L. Chị yêu cầu anh D2 trả cho chị một nửa giá trị. Tại phiên tòa chị xác định không tiếp tục yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Có nợ ông Đặng Thanh L số tiền 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, chị yêu cầu chia đôi khoản nợ chung để trả.

Tại phiên hòa giải, bị đơn anh Cao Quốc D2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị Đặng Kiều D1 về việc anh và chị D1 tự nguyện chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Cao Hiền Lương sinh ngày 10/9/2013 và Cao Quốc Đình sinh ngày 07/7/2015. Hiện cháu Đình đang sống chung với chị D1, cháu Hiền Lương đang sống chung với anh, sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lương, đồng ý để chị D1 tiếp tục nuôi cháu Đình, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Gồm sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24K và tám lắc 02 chỉ vàng 18K do cha mẹ anh cho hai vợ chồng lúc đám cưới hiện do chị D1 quản lý và số tiền hụi mà cha vợ anh là ông L đứng tên tham gia, đã hốt xong nhưng không giao tiền lại cho anh. Anh yêu cầu chị D1 trả cho anh 1,5 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K, yêu cầu ông L trả lại cho anh và chị D1 số tiền hụi đã hốt. Về yêu cầu của chị D1 về việc chia số tiền đầu tư cải tạo vào đất, anh xác định số tiền đó xuất phát từ số tiền hụi hốt được, hụi do cha vợ đứng tên chơi giùm và hốt hụi đưa cho anh và chị D1, anh không đồng ý yêu cầu của chị D1 về việc trả lại một nửa số tiền đầu tư cải tạo này.

Về nợ chung: Không có. Về nội dung chị D1 trình bày có nợ ông L 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K thì anh xác định không có mượn nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh L trình bày:

Ông có cho con rể là Cao Quốc D2 mượn 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng

24K. Thời gian mượn là vào năm 2015 - 2016, mượn 2 đợt, lần đầu ông cho mượn 8.000.000 đồng là tiền của ông, lần sau ông cho mượn 02 chỉ vàng 24K là vàng do ông mượn của ông Nguyễn Văn Liêm. Lúc mượn thì hai vợ chồng D1 và D2 cùng hỏi mượn nhưng ông giao tiền và vàng cho anh D2. Sự việc mượn vàng và tiền diễn ra tại nhà của ông, có mặt vợ chồng ông và vợ chồng chị D1, anh D2, không có làm giấy tờ biên nhận. Do số tiền và vàng đều dùng vào việc cải tạo vuông, hiện nay chị D1 và anh D2 không còn sống chung, vuông do anh D2 canh tác nên ông yêu cầu anh D2 trả lại cho ông 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 466 Bộ luật Dân sự, không công nhận chị Đặng Kiều D1 và anh Cao Quốc D2 là vợ chồng, giao cháu Cao Quốc Đình cho chị D1 nuôi dưỡng, giao cháu Cao Hiền Lương cho anh D2 nuôi dưỡng; đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Thanh L về việc buộc chị D1 và anh D2 trả lại số tiền 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, buộc chị D1 và anh D2 mỗi người phải trả cho ông L 4.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K; đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Cao Quốc D2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D2.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Kiều D1 và anh Cao Quốc D2 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012. Tuy chị D1 và anh D2 xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình chung sống đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D1 và anh D2 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Cao Hiền Lương (nam) sinh ngày 10/9/2013 và Cao Quốc Đình (nam) sinh ngày 07/7/2015. Hiện nay chị D1 đang nuôi dưỡng cháu Đình, anh D2 nuôi dưỡng cháu Lương. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2020, cháu Cao Hiền Lương có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh D2. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị D1 và anh D2 thống nhất thỏa thuận việc chị D1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đình, anh D2 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lương. Trên cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, xem xét điều kiện để

phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Cao Hiền Lương cho anh D2 và giao cháu Cao Quốc Đình cho chị D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D2, chị D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, anh D2 và chị D1 có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nhưng không rõ ràng, cụ thể. Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu anh D2, chị D1 cung cấp văn bản xác định rõ yêu cầu nhưng anh D2, chị D1 không thực hiện nên không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp anh D2, chị D1 tiếp tục yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về nợ: Ông Đặng Thanh L yêu cầu anh D2 trả 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K do ông cho anh D2, chị D1 mượn để cải tạo vuông, hiện nay chị D1 và anh D2 không còn sống chung, vuông do anh D2 canh tác nên ông chỉ yêu cầu anh D2 chịu trách nhiệm về khoản nợ này. Xét thấy ông L xác định cho anh D2 mượn tiền, vàng nhưng anh D2 không thừa nhận, ông L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông L.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là có căn cứ nên chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông L, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát do những phân tích nêu trên.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị D1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền khởi kiện không được chấp nhận là: $(8.000.000 + (2 \times 5.580.000) \times 5\% = 958.000$ đồng.

(Giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.580.000 đồng/chỉ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 16, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Kiều D1 và anh Cao Quốc D2 là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Hiền Lương (nam) sinh ngày 10/9/2013 cho anh D2 và giao cháu Cao Quốc Đình (nam) sinh ngày 07/7/2015 cho chị D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D2, chị D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ: Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Thanh L về việc yêu cầu anh Cao Quốc D2 trả 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K.

- Về án phí: Chị Đặng Kiều D1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị D1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004959 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Ông Đặng Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 958.000 đồng. Ông Đặng Thanh L đã nộp tạm ứng án phí 438.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005162 ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Ông L phải nộp tiếp 520.000 (năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D1, ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý